

Bản án số: 24/2025/DS-ST
Ngày: 15-9-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Vĩnh

Bà Phùng Ngọc Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số 23/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2025 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST-DS ngày 14/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2025/QĐST-DS ngày 03/9/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; địa chỉ: Tòa nhà Ngân hàng - Tower, số 89 L, phường Đ, thành phố Hà Nội (Sau đây viết tắt là Ngân hàng);

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Thứ - Chức vụ Nhân viên xử lý nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; địa chỉ: Tòa nhà Ngân hàng - Tower, số 89 Láng Hạ, phường Đống Đa, thành phố Hà Nội (Văn bản uỷ quyền số 135.08/2025/UQN-PLTH2 ngày 01/8/2025); có mặt.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn: C ty Cổ phần MBN J; địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà C, số 219 phố T, phường Y, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân Nam - Chức vụ Nhân viên xử lý nợ C ty Cổ phần MBN J; địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Central Point, số 219 phố T, phường Y, thành phố Hà Nội (Văn bản uỷ quyền số 21308/2025/UQ-XLN-J ngày 01/8/2025); có mặt.

- **Bị đơn:** Chị Lục Thị T và anh Nguyễn Văn C; cùng địa chỉ: Tổ dân phố Kim Sơn, phường An Phong, thành phố Hải Phòng; đều có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn H;
2. Bà Nguyễn Thị B;
3. Anh Bùi Đức T;
4. Chị Nguyễn Thị T

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố K, Phường A, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/6/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Giữa Ngân hàng với chị Lục Thị T anh Nguyễn Văn C có quan hệ tín dụng. Tại Hợp đồng cho vay hạn mức số 10159306 ngày 04/4/2024 Ngân hàng đã giải ngân cho anh Nguyễn Văn C và chị Lục Thị T vay số tiền 2.900.000.000 đồng để bổ sung vốn kinh doanh nhựa phế liệu, hạt nhựa nhưng không có đăng ký kinh doanh, lãi suất theo thỏa thuận. Tài sản bảo đảm cho khoản vay gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên thửa đất số 664, tờ bản đồ số 5, tại địa chỉ: Xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng (nay là phường An Phong, thành phố Hải Phòng), theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AA 096469 do Ủy ban nhân dân huyện An Dương cấp ngày 15/11/2004 cho ông Nguyễn Văn H. Tài sản bảo đảm được ký hợp đồng thế chấp số C chứng 4606/HĐTC/2023, quyển 02 ngày 10/04/2023 tại Văn phòng C chứng Đất Cảng và thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định của pháp luật (Sau đây viết tắt là Thửa đất số 664).

Quá trình thực hiện Hợp đồng trên, chị T anh C vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 05/4/2025 đã chuyển thành nợ quá hạn; mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc trả nợ nhưng anh Nguyễn Văn C chị Lục Thị T không thực hiện được. Ngày 28/7/2025 Ngân hàng bán cho C ty Cổ phần MBN J 95% khoản nợ của anh C chị T phát sinh từ hợp đồng tín dụng đã ký theo Hợp đồng mua bán nợ số 33/2025/VPB-J ngày 28/7/2025 và Phụ lục hợp đồng kèm theo. Tính đến ngày 15/9/2025 anh C chị T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 154.994.582 đồng (trong đó: Nợ gốc 144.898.835 đồng, nợ lãi trong hạn 856.475 đồng, nợ lãi quá hạn 9.200.789 đồng, nợ lãi chậm trả 38.483 đồng). Số nợ còn lại của hợp đồng trên anh Nguyễn Văn C và chị Lục Thị T có trách nhiệm trả cho C ty Cổ phần MBN J.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn là C ty Cổ phần MBN J trình bày: Thống nhất với toàn bộ trình bày của người đại diện cho nguyên đơn về quan hệ mua bán nợ ở trên. Căn cứ vào Hợp đồng mua bán nợ số 33/2025/VPB-MBN J ngày 28/7/2025 và Phụ lục hợp đồng kèm theo, tính đến ngày 15/9/2025 chị T anh C còn nợ C ty MBN J tổng số tiền 2.944.897.054 đồng (trong đó: Nợ gốc 2.753.077.873 đồng, nợ lãi trong hạn 16.273.017 đồng, nợ lãi quá hạn 174.814.993 đồng, nợ lãi chậm trả 731.171 đồng).

Quan điểm của người đại diện cho nguyên đơn và của người đại diện cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn như sau: Buộc chị T anh C phải trả toán cho mỗi bên số tiền như đã nêu ở trên. Trường hợp chị T anh C có thiện chí trả nợ thì sẽ theo phương án sau: Chị T anh C có trách nhiệm trả nợ gốc trong thời hạn 06 tháng tính từ tháng 10, 11, 12 năm 2025 và các tháng 01, 02, 03 năm 2026; cụ thể như sau: Ngày 15/10/2025 trả tổng nợ gốc là 100.000.000 đồng, chia tỷ lệ: Trả cho Ngân hàng 5.000.000 đồng tiền gốc; Trả cho C ty Cổ phần MBN J 95.000.000 đồng tiền gốc; Ngày 15 của các tháng 11, 12 năm 2025 và tháng 01, 02 năm 2026 trả tổng nợ gốc là 200.000.000 đồng/tháng, chia tỷ lệ mỗi tháng: Trả cho Ngân hàng 10.000.000 đồng tiền gốc; Trả cho C ty Cổ phần MBN J 190.000.000 đồng tiền gốc; Ngày 15/3/2026 chị T anh C phải trả toán toàn bộ khoản nợ còn lại và tiền lãi phát sinh. Trường hợp chị T anh C vi phạm thì Ngân hàng và C ty Cổ phần MBN J có quyền yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm là Thửa đất số 664 để thu hồi nợ.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Lục Thị T và Nguyễn Văn C trình bày: Thừa nhận trình bày của đại diện Ngân hàng về quan hệ tín dụng và tài sản thế chấp là đúng. Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn kinh doanh nhựa phế liệu, hạt nhựa nhưng không có đăng kí kinh doanh. Nay do khó khăn nên đồng ý với phương án trả nợ như người đại diện cho Ngân hàng và C ty Cổ phần MBN J đã đưa ra ở trên; không bổ sung ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi liên quan Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị B trình bày: Thống nhất với toàn bộ nội dung anh C chị T đã trình bày; không có ý kiến gì thêm.

Về chứng cứ: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp; thửa đất không thay đổi hiện trạng, diện tích.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự; Nguyên đơn, người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; các đương sự khác chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 5, khoản 1 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các điều 85, 97, 147, khoản 1 Điều 227 và 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự (BLTTDS); các điều 105, 117, 119, 298, 299, khoản 2 Điều 450, Điều 365 của Bộ luật Dân sự (BLDS); các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ quy định về đăng ký biện pháp bảo đảm; Điều 8, Điều 9 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành BLDS về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả nợ Ngân hàng tính đến ngày 15/9/2025 tổng số tiền 154.994.582 đồng (trong đó: Nợ gốc 144.898.835 đồng, nợ lãi trong hạn 856.475 đồng, nợ lãi quá hạn 9.200.789 đồng,

nợ lãi chậm trả 38.483 đồng) và phải trả nợ C ty MBN J tính đến ngày 15/9/2025 tổng số tiền 2.944.897.054 đồng (trong đó: Nợ gốc 2.753.077.873 đồng, nợ lãi trong hạn 16.273.017 đồng, nợ lãi quá hạn 174.814.993 đồng, nợ lãi chậm trả 731.171 đồng) phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số 10159306 ngày 04/4/2024 và Hợp đồng mua bán nợ số 33/2025/VPB-MBN J ngày 28/7/2025 và Phụ lục hợp đồng kèm theo. C nhận sự thỏa thuận phương án trả nợ của các bên như sau: Ngày 15/10/2025 trả tổng nợ gốc là 100.000.000 đồng, chia tỷ lệ: Trả cho Ngân hàng 5.000.000 đồng tiền gốc; Trả cho C ty Cổ phần MBN J 95.000.000 đồng tiền gốc; Ngày 15 của các tháng 11, 12 năm 2025 và tháng 01, 02 năm 2026 trả tổng nợ gốc là 200.000.000 đồng, chia tỷ lệ mỗi tháng: Trả cho Ngân hàng 10.000.000 đồng tiền gốc; Trả cho C ty Cổ phần MBN J 190.000.000 đồng tiền gốc; Ngày 15/3/2026 chị T anh C phải tất toán toàn bộ khoản nợ còn lại và tiền lãi phát sinh. Trường hợp chị T anh C không trả được nợ thì Ngân hàng và C ty Cổ phần MBN J có quyền yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm là Thửa đất số 664 để thu hồi nợ. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Nơi bị đơn cư trú thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng theo điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện, xác định đây là quan hệ Tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng quy định tại Điều 26 của BLTTDS.

[3] Về tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của BLTTDS Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về mua bán nợ: Theo Hợp đồng mua bán nợ số 33/2025/VPB-MBN J ngày 28/7/2025 và Phụ lục hợp đồng kèm theo; Ngân hàng bán cho C ty Cổ phần MBN J 95% khoản nợ của chị T anh C phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 10306863 ngày 30/10/2024. Xét đối tượng của hợp đồng là quyền đòi nợ bao gồm nợ gốc, lãi, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh từ hợp đồng tín dụng. Tại Điều 105 BLDS quy định tài sản bao gồm quyền tài sản. Tại khoản 2 Điều 450 BLDS quy định về mua bán quyền tài sản có đề cập đến quyền tài sản là quyền đòi nợ. Như vậy pháp luật cho phép các bên chuyển giao quyền đòi nợ nên đối tượng của hợp đồng phù hợp quy định pháp luật. Mục đích mua bán khoản bán nợ nhằm chuyển quyền sở hữu, chuyển nghĩa vụ của bên bán nợ cho bên mua nợ mà không ảnh hưởng đến quyền lợi của bên nợ là bên vay. Tại khoản 2 Điều 365 của BLDS quy định việc chuyển giao quyền yêu cầu không cần có sự đồng ý của bên có nghĩa vụ. Chị T anh C trình bày cũng được biết việc mua bán khoản nợ trên, không có ý kiến gì. Như vậy thủ tục mua bán nợ có hợp đồng và phụ lục chi tiết kèm theo; được ký bởi người có thẩm quyền nên phát sinh hiệu lực.

[5] Về yêu cầu đòi nợ gốc, lãi trong hạn, quá hạn của nguyên đơn và của người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn và yêu cầu phát mại tài sản thế chấp:

[5.1] Sự thừa nhận của nguyên đơn, bị đơn về quan hệ tín dụng, về bị đơn vi phạm nghĩa vụ T toán, về toàn bộ số nợ gốc, lãi trong hạn, quá hạn là các tình tiết sự kiện không phải chứng minh; căn cứ vào Điều 92 của BLTTDS Tòa án C nhận đó là sự thật. Do Hợp đồng mua bán nợ số 33/2025/VPB-MBN J ngày 28/7/2025 và Phụ lục hợp đồng kèm theo phát sinh hiệu lực nên việc Ngân hàng yêu cầu bên vay phải T toán tổng số tiền còn thiếu đến ngày 15/9/2025 là 154.994.582 đồng (trong đó: Nợ gốc 144.898.835 đồng, nợ lãi trong hạn 856.475 đồng, nợ lãi quá hạn 9.200.789 đồng, nợ lãi chậm trả 38.483 đồng) và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn yêu cầu chị T anh C phải T toán tổng số tiền còn thiếu đến ngày 15/9/2025 là 2.944.897.054 đồng (trong đó: Nợ gốc 2.753.077.873 đồng, nợ lãi trong hạn 16.273.017 đồng, nợ lãi quá hạn 174.814.993 đồng, nợ lãi chậm trả 731.171 đồng) là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với các điều 117, 463 và 466 của BLDS.

[5.2] Xét thỏa thuận trả nợ: Tại phiên tòa, các bên thỏa thuận ngày 15/10/2025 chị T anh C có trách nhiệm trả tổng nợ gốc là 100.000.000 đồng, chia tỷ lệ, trả cho Ngân hàng 5.000.000 đồng tiền gốc; trả cho C ty Cổ phần MBN J 95.000.000 đồng tiền gốc; Ngày 15 của các tháng 11, 12 năm 2025 và tháng 01, 02 năm 2026 trả tổng nợ gốc là 200.000.000 đồng, chia tỷ lệ mỗi tháng: Trả cho Ngân hàng 10.000.000 đồng tiền gốc; Trả cho C ty Cổ phần MBN J 190.000.000 đồng tiền gốc; Ngày 15/3/2026 chị T anh C phải tất toán toàn bộ khoản nợ còn lại và tiền lãi phát sinh. Xét thỏa thuận trên là tự nguyện nên chấp nhận.

[5.3] Về yêu cầu xử lý phát mại tài sản thế chấp của nguyên đơn và của người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn: Ông H thừa nhận và cam kết đã dùng tài sản cá nhân là Thửa đất số 664 và tài sản trên đất để thế chấp cho khoản vay của anh C chị T; đây là các tình tiết sự kiện không phải chứng minh; căn cứ vào Điều 92 của BLTTDS Tòa án C nhận đó là sự thật. Tại Điều 1 của Hợp đồng mua bán nợ số 33/2025/VPB-MBN J ngày 28/7/2025 và Phụ lục hợp đồng kèm theo, ngoài việc bán nợ thì có chuyển giao cả quyền yêu cầu thực hiện biện pháp bảo đảm là tài sản thế chấp. Thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 365 của BLDS đó là "Trường hợp quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ có biện pháp bảo đảm thì việc chuyển giao quyền yêu cầu bao gồm cả biện pháp bảo đảm đó". Như vậy, tài sản thế chấp là Thửa đất số 664 được phát mại trong trường hợp bên vay không trả được nợ để nguyên đơn và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn và của người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[7] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và của người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tính theo quy định pháp luật đối với từng nghĩa vụ phải thực hiện. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 92, 97, 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 105, 117, 119, 298, 299, khoản 2 Điều 450, Điều 365 của Bộ luật Dân sự; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ quy định về đăng ký biện pháp bảo đảm; Điều 8, Điều 9 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành BLDS về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và yêu cầu của C ty Cổ phần MBN J. C nhận sự thỏa thuận của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, C ty Cổ phần MBN J và chị Lục Thị T anh Nguyễn Văn C như sau:

- Về số nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 10159306 ngày 04/4/2024 và Hợp đồng mua bán nợ số 33/2025/VPB-MBN J ngày 28/7/2025 và Phụ lục hợp đồng kèm theo: Đến ngày 15/9/2025 chị Lục Thị T và anh Nguyễn Văn C nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tổng số tiền 154.994.582 đồng (trong đó: Nợ gốc 144.898.835 đồng, nợ lãi trong hạn 856.475 đồng, nợ lãi quá hạn 9.200.789 đồng, nợ lãi chậm trả 38.483 đồng) và nợ C ty MBN J tính đến ngày 15/9/2025 tổng số tiền 2.944.897.054 đồng (trong đó: Nợ gốc 2.753.077.873 đồng, nợ lãi trong hạn 16.273.017 đồng, nợ lãi quá hạn 174.814.993 đồng, nợ lãi chậm trả 731.171 đồng).

- Về phương án trả nợ: Ngày 15/10/2025 chị Lục Thị T và anh Nguyễn Văn C có trách nhiệm trả tổng nợ gốc là 100.000.000 đồng; trong đó: Trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V 5.000.000 đồng tiền gốc; Trả cho C ty Cổ phần MBN J 95.000.000 đồng tiền gốc. Ngày 15/11/2025 chị Lục Thị T anh Nguyễn Văn C trả tổng nợ gốc là 200.000.000 đồng; trong đó: Trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V 10.000.000 đồng tiền gốc; trả cho C ty Cổ phần MBN J 190.000.000 đồng tiền gốc. Ngày 15/12/2025 chị Lục Thị T anh Nguyễn Văn C trả tổng nợ gốc là 200.000.000 đồng; trong đó: Trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V 10.000.000 đồng tiền gốc; trả cho C ty Cổ phần MBN J 190.000.000 đồng tiền gốc. Ngày 15/01/2026 chị Lục Thị T anh Nguyễn Văn C trả tổng nợ gốc là 200.000.000 đồng; trong đó: Trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V 10.000.000 đồng tiền gốc; trả cho C ty Cổ phần MBN J 190.000.000 đồng tiền gốc. Ngày 15/02/2026 chị Lục Thị T anh Nguyễn Văn C trả tổng nợ gốc là 200.000.000 đồng; trong đó: Trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V 10.000.000 đồng tiền gốc; trả cho C ty Cổ phần MBN J 190.000.000 đồng tiền gốc. Ngày 15/3/2026 chị Lục Thị T anh Nguyễn Văn C phải tất toán toàn bộ khoản nợ còn lại và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và C ty Cổ phần MBN J.

- Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày 16/9/2025 cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng

vay phải tiếp tục T toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp: Trường hợp chị Lục Thị T và anh Nguyễn Văn C không trả được nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và C ty Cổ phần MBN J có quyền yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên thửa đất số 664, tờ bản đồ số 5, tại địa chỉ: Xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng (nay là phường An Phong, thành phố Hải Phòng), theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AA 096469 do Ủy ban nhân dân huyện An Dương cấp ngày 15/11/2004 cho ông Nguyễn Văn H để thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản trên nhưng chưa đủ để thu hồi nợ thì chị Lục Thị T và anh Nguyễn Văn C phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và C ty Cổ phần MBN J. Trường hợp phát mại tài sản để thu hồi nợ còn thừa thì trả lại cho bên thế chấp.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị chị Lục Thị T và anh Nguyễn Văn C phải nộp 7.750.000 đồng đối với số tiền phải T toán trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và 90.898.000 đồng đối với số tiền phải T toán trả cho C ty Cổ phần MBN J. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 45.814.000 đồng tại biên lai số 10942 ngày 17/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND Khu vực 2 - Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Dũng